

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 344 /2025

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA
Địa chỉ quan trắc : B15 Đường Công nghiệp 6 Thạch Bàn, KCN Sài Đồng B, quận Long Biên, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải Ngày lấy mẫu : 08/04/2025
Ngày nhận mẫu : 09/04/2025 Ngày phân tích : 09/04/2025

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014 /BTNMT	
				KT01	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	73,41	200	90
2	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2 US EPA Method 2A US EPA Method 2C	12776	-	-
2	CO	mg/Nm ³	VNCM.KT.CO	0	1000	450
3	SO ₂	mg/Nm ³	VNCM.KT.SO ₂	196,06	500	225
4	Nox (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	VNCM.KT.NO ₂	50,0	850	382,5

Ghi chú:

- KT01: Ống khí thải 15 tấn nhà máy xốp nhựa (X=593617,12; Y=2326105,73)
- QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, với Trang 7/16Kp=0,9 (20.000 ≤ P ≤ 100.000 m³/h) và Kv = 0,5 (áp dụng cho khu vực Long Biên).
- Cmax: là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³) $C_{max} = C \times K_p \times K_v$;
- Giá trị C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính nồng độ tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp;

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;

3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, VNCM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2025

QA/QC



Tào Văn Chí

TP. PHÂN TÍCH



ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Lê Đạt

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 345 /2025

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XỐP NHỰA
Địa chỉ quan trắc : B15 Đường Công nghiệp 6 Thạch Bàn, KCN Sài Đồng B, quận Long Biên, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải **Ngày lấy mẫu** : 09/04/2025
Ngày nhận mẫu : 10/04/2025 **Ngày phân tích** : 10/04/2025

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014 /BTNMT	
				KT01	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	76,86	200	90
2	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2 US EPA Method 2A US EPA Method 2C	11411	-	-
2	CO	mg/Nm ³	VNCM.KT.CO	0	1000	450
3	SO ₂	mg/Nm ³	VNCM.KT.SO ₂	198,24	500	225
4	Nox (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	VNCM.KT.NO ₂	23,0	850	382,5

Ghi chú:

- KT01: Ống khí thải 15 tấn nhà máy xốp nhựa (X=593617,12; Y=2326105,73)
- QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, với Trang 7/16Kp=0,9 (20.000 ≤ P ≤ 100.000 m³/h) và Kv = 0,5 (áp dụng cho khu vực Long Biên).
- Cmax: là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³) $C_{max} = C \times K_p \times K_v$;
- Giá trị C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính nồng độ tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;

3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, VNCM

không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2025

QA/QC



Tào Văn Chí

TP. PHÂN TÍCH



ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Lê Đạt

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 346 /2025

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XỐP NHỰA
Địa chỉ quan trắc : B15 Đường Công nghiệp 6 Thạch Bàn, KCN Sài Đồng B, quận Long Biên, Hà Nội
Loại mẫu : Khí thải Ngày lấy mẫu : 10/04/2025
Ngày nhận mẫu : 11/04/2025 Ngày phân tích : 11/04/2025

2. KẾT QUẢ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCTĐHN 01:2014 /BTNMT	
				KT01	C	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	72,92	200	90
2	Lưu lượng	Nm ³ /h	US EPA Method 2 US EPA Method 2A US EPA Method 2C	11460	-	-
2	CO	mg/Nm ³	VNCM.KT.CO	0	1000	450
3	SO ₂	mg/Nm ³	VNCM.KT.SO ₂	201,3	500	225
4	Nox (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	VNCM.KT.NO ₂	50	850	382,5

Ghi chú:

- KT01: Ống khí thải 15 tấn nhà máy xốp nhựa (X=593617,12; Y=2326105,73)
- QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, với Trang 7/16Kp=0,9 (20.000 ≤ P ≤ 100.000 m³/h) và Kv = 0,5 (áp dụng cho khu vực Long Biên).
- Cmax: là giá trị tối đa cho phép của bụi tổng và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³) $C_{max} = C \times K_p \times K_v$;
- Giá trị C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính nồng độ tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp

1. Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Nghiên cứu công nghệ kỹ thuật Môi trường

2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;

BM.11.02

3. Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, VNCM

không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;

4. Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.

Ngày ban hành: 01.12.2024

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2025

QA/QC

Tào Văn Chí

TP. PHÂN TÍCH

ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Lê Đạt